

DANH SÁCH THI MÔN : TIẾNG ANH CƠ SỞ 2

**LẦN THI 1, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2008-2009, ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHOA QH-2008-I/CQ
KHOA CƠ HỌC KỸ THUẬT VÀ TỰ ĐỘNG HÓA, NGÀNH CƠ HỌC KỸ THUẬT, LỚP K53H**

TT	MSV	Họ tên	N.sinh	GT	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Điểm KL	Ghi chú
1	08020004	Phạm Hoàng An	16/11/90		0.0	0.0	0.0	
2	08020016	Nguyễn Thế Anh	15/03/89		5.0	3.9	4.5	
3	08020020	Phan Đức Anh	07/09/90		6.8	7.9	7.4	
4	08020028	Lương Văn Bách	13/05/90		5.5	5.7	5.6	
5	08020026	Nguyễn Đức Bảo	19/12/90		3.9	3.3	3.6	
6	08020029	Đoàn Hữu Bắc	18/09/90		5.8	7.0	6.4	
7	08020495	Tô Hoàn Bắc	12/03/89		2.8	0.0	1.4	
8	08020048	Phùng Minh Chung	25/08/89		5.9	4.7	5.3	
9	08020054	Đỗ Quốc Cường	20/05/90		4.5	2.8	3.7	
10	08020073	Đỗ Văn Duy	13/07/90		4.4	4.4	4.4	
11	08020085	Nguyễn Việt Dũng	30/06/90		5.9	3.7	4.8	
12	08020090	Nguyễn Đại Dương	19/10/90		5.6	4.7	5.2	
13	08020095	Nguyễn Văn Đại	04/05/90		5.7	6.0	5.9	
14	08020097	Đinh Văn Đạt	09/07/90		5.4	3.6	4.5	
15	08020104	Kim Văn Điệp	25/03/90		6.6	4.0	5.3	
16	08020115	Đỗ Văn Đức	17/02/90		6.2	6.9	6.6	
17	08020127	Nguyễn Trọng Giảng	26/01/88		4.1	4.1	4.1	
18	08020139	Nguyễn Đăng Hải	13/04/89		5.5	2.6	4.1	
19	08020151	Lê Xuân Hiếu	11/02/90		7.4	6.8	7.1	
20	08020169	Nguyễn Văn Hoat	25/06/90		5.6	6.2	5.9	
21	08020178	Phạm Văn Huy	18/08/90		6.0	3.9	5.0	
22	08020179	Phùng Quang Huy	24/09/90		6.5	5.6	6.1	
23	08020199	Chu Văn Hữu	11/10/90		6.6	5.1	5.9	
24	08020208	Lưu Trường Khánh	29/06/90		6.9	5.1	6.0	
25	08020213	Nguyễn Thiên Khiêm	08/02/90		5.6	4.3	5.0	
26	08020214	Ngô Văn Khiết	18/07/90		5.4	5.2	5.3	
27	08020223	Trình Văn Kiên	06/12/90		6.1	3.0	4.6	
28	08020224	Vũ Văn Kiệt	10/06/90		5.6	3.1	4.4	
29	08020540	Trần Văn Kiểu	10/07/90		7.1	5.7	6.4	
30	08020227	Lê Đình Lâm	04/11/90		5.8	4.9	5.4	
31	08020233	Ngô Tuấn Linh	17/09/90		6.6	5.7	6.2	
32	07020259	Dương Đức Lợi	12/01/89		0.0	0.0	0.0	
33	08020252	Mac Văn Lương	04/01/90		3.8	2.8	3.3	
34	08020256	Chu Quốc Mạnh	06/10/90		4.8	5.6	5.2	
35	08020263	Nguyễn Văn Minh	29/01/90		6.3	5.5	5.9	
36	08020534	Vũ Ngọc Mỹ	11/02/87		6.0	3.8	4.9	
37	08020295	Đỗ Lê An Phương	08/03/90	Nữ	7.1	8.9	8.0	
38	08020513	Trần Quốc Quân	15/05/90		7.1	8.1	7.6	
39	08020515	Đỗ Văn Quyền	10/09/89		5.9	6.5	6.2	
40	08020490	Hồ Quang Sáng	15/12/90		4.7	6.1	5.4	
41	08020326	Hà Văn Sâm	11/09/90		7.1	8.4	7.8	
42	08020516	Lã Trung Sơn	11/08/90		5.0	7.7	6.4	
43	08020330	Lê Ngọc Sơn	11/02/90		6.9	7.4	7.2	
44	08020345	Nguyễn Văn Tân	12/05/90		5.4	7.1	6.3	
45	08020348	Đặng Tuấn Thanh	28/10/90		0.0	0.0	0.0	

Ghi chú: **Điểm kết luận = (Điểm giữa kỳ + Điểm cuối kỳ)/2**

CÁN BỘ TỔNG HỢP ĐIỂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Quỳnh Yên

Ngày 08 tháng 7 năm 2009

CÁN BỘ NHẬN KẾT QUẢ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Huy

Ngày 01/06/2009

T/L. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐTDH

ThS Nguyễn Quang Vinh

DANH SÁCH THI MÔN : TIẾNG ANH CƠ SỞ 2
LẦN THI 1, HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2008-2009, ĐẠI HỌC CHÍNH QUY KHOA QH-2008-I/CQ
KHOA CƠ HỌC KỸ THUẬT VÀ TỰ ĐỘNG HÓA, NGÀNH CƠ HỌC KỸ THUẬT, LỚP K53H

TT	MSV	Họ tên	N.sinh	GT	Giữa kỳ	Cuối kỳ	Điểm KL	Ghi chú
46	08020355	Đặng Lê Thành	12/11/88		6.3	6.5	6.4	
47	08020374	Mai Huy Thắng	16/04/90		5.4	6.5	6.0	
48	08020375	Ngô Quang Thắng	26/01/90		7.3	7.9	7.6	
49	08020400	Nguyễn Văn Thúc	28/03/90		7.6	7.9	7.8	
50	08020404	Đỗ Văn Tiến	27/09/90		4.8	7.4	6.1	
51	08020419	Vũ Bảo Trung	15/01/90		6.0	5.6	5.8	
52	08020527	Nguyễn Văn Tuấn	28/04/90		6.7	7.1	6.9	
53	08020451	Nguyễn Duy Tùng	08/12/90		6.2	7.2	6.7	
54	08020457	Trần Đình Tùng	25/10/90		6.6	5.5	6.1	
55	08020465	Phạm Thanh Tư	05/06/90		5.1	4.1	4.6	
56	08020477	Ngô Quang Vũ	01/09/90		5.3	6.6	6.0	

Ghi chú: **Điểm kết luận = (Điểm giữa kỳ + Điểm cuối kỳ)/2**

CÁN BỘ TỔNG HỢP ĐIỂM
(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS Nguyễn Thị Quỳnh Yên

Ngày 08 tháng 7 năm 2009

CÁN BỘ NHẬN KẾT QUẢ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Huy

Ngày 01/06/2009

T/L. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐTDH

ThS Nguyễn Quang Vinh